

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Minh Tân

2. Bà Ngô Thị Thời

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 413/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1989.

Đăng ký hộ khẩu: Số 20 NTT, phường THĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn VL, xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện ở: Thôn CN, xã TT, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (chị Tr có mặt tại phiên tòa).

- ***Bị đơn:*** Anh **Vũ Văn K**, sinh năm 1982.

Đăng ký hộ khẩu: Số 20 NTT, phường THĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn VL, xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (anh K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và trong quá trình xét

xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr đều trình bày: Chị và anh Vũ Văn K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2011 tại Ủy ban nhân dân phường THĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên đi làm xa, ít quan tâm đến mẹ con chị, khi về hai vợ chồng luôn có những bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có sự hòa hợp, tình cảm lạnh nhạt, thời gian chung sống cùng nhau ít, mỗi khi gặp nhau vợ chồng lại thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng không thông cảm và chia sẻ cho nhau, anh K hay chửi với đánh đập chị. Nhiều lần chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ để sống nhưng vì thương con nên chị lại quay về chung sống cùng anh K tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ đầu năm 2018 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã bế con về nhà đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm nam nữ, không ai quan tâm và có trách nhiệm với nhau, không nói chuyện với nhau và không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng. Nay chị xác định chị và anh K không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không có hạnh phúc và không thể đoàn được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Tr xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh K có 01 con chung là Vũ Tiến Đ sinh ngày 06/5/2012, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung Vũ Tiến Đ cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Nếu được quyền nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Về điều kiện nuôi con chung: Hiện nay chị đang công tác tại Trường Tiểu học NĐ, TP. Hải Dương. Thu nhập ổn định khoảng trên 8.000.000 đồng/1 tháng và có nơi ăn, ở ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn K đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do và không có quan điểm về việc ly hôn nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2018 tại công an xã NĐ thể hiện anh Vũ Văn K và chị Nguyễn Thị Tr đã chuyển về tạm trú tại Thôn VL, xã NĐ từ nhiều năm nay nhưng anh K thường xuyên đi làm xa cuối tuần mới về, các văn bản của Tòa án giao, công an xã đã đến giao và thông báo cho anh K biết việc chị Tr xin ly hôn nhưng anh K không hợp tác và không nhận văn bản.

Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2018 và ngày 09/10/2018 bà Hoàng Thị Phượng trưởng thôn VL, xã NĐ, nơi anh K cư trú, sinh sống cung cấp: anh K và chị Tr là vợ chồng nhưng anh K làm nghề xây dựng thỉnh thoảng cuối tuần mới

về nhà, theo địa phương được biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Tr và anh K là do hai bên bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, có lần thôn phải khuyên giải. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị Tr đã bế con về nhà đẻ sinh sống được một thời gian dài, hai bên ly thân nhau. Địa phương đã nhiều lần giao giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh K nhưng anh K không hợp tác không nhận văn bản nên Tòa án đã phải niêm yết tại nơi cư trú của anh K và Ủy ban xã ND nơi anh K cư trú các văn bản của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh K và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Vũ Văn K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 171, Điều 179, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Vũ Văn K.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tiến Đ sinh ngày 6/5/2012. Thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Chị Tr tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng cần chấp nhận. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Văn K và tranh chấp nuôi con nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con là những tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh. Chị Nguyễn Thị Tr có đơn xin ly hôn anh Vũ Văn K, do bị đơn anh K cư trú tại xã NB, TP. Hải Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh Vũ Văn K nhiều lần tham gia phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt họp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 02/11/2018; lần thứ hai vào ngày 19/11/2018 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự là đúng pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND phường THĐ, TP. Hải Dương cấp giấy chứng nhận vào ngày 03 tháng 10 năm 2011 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét chị Tr cho rằng chị và anh K đã phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Anh K nhiều lần đánh đập chị và chị

không thể tiếp tục chung sống với anh K nên đã sống ly thân. Nay tình cảm của chị dành cho anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết yêu cầu ly hôn anh K. Anh K vắng mặt và không gửi đến Tòa án văn bản tài liệu gì nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Tr thể hiện anh K không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Tr. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh K đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị Tr yêu cầu xin ly hôn với anh K là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình.

[5] Xét xê con chung: Chị Tr xác định chị và anh K có 01 con chung là Vũ Tiến Đ sinh ngày 6/5/2012 hiện do chị Tr nuôi dưỡng. Chị Tr yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Anh K cũng không có ý kiến gì về yêu cầu trực tiếp nuôi con. Do đó cần giao cháu Vũ Tiến Đ cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này. Chị Tr không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K vắng mặt nên về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[7] Về án phí: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 4 Điều 147, Điều 171, Điều 177, Điều 179, Điều 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Vũ Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Tiến Đ, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; thời

gian nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành hoặc có thỏa thuận khác. Anh Vũ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr không yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Vũ Văn K không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị Tr đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002485 ngày 17/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Tr đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND TP Hải Dương;
- Các đương sự (nguyên, bị đơn);
- UBND phường THĐ, TP. Hải Dương ghi sổ hộ tịch.
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương (án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh